

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN ĐỊA LÍ 12 - KHXH

Câu 1: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

- A. đất xám bạc màu. B. đất mùn thô. C. đất phù sa. D. đất feralit.

Câu 2: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. quá trình tích tụ mùn mạnh. B. rửa trôi các chất bazo dễ tan.
C. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm. D. quá trình phong hóa mạnh mẽ.

Câu 3: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh. B. Tích tụ ôxit sắt Fe_2O_3 .
C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazo. D. Tích tụ ôxit nhôm Al_2O_3 .

Câu 4: Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. chế độ mưa mùa. B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
C. hoạt động của bão. D. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.

Câu 5: Đặc điểm của đất feralit là

- A. có màu đỏ vàng, chua nghèo mùn. B. có màu đen, xốp thoát nước.
C. có màu đỏ vàng, đất rất màu mỡ. D. có màu nâu, khó thoát nước.

Câu 6: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?

- A. Mạng lưới dày đặc. B. Nhiều nước quanh năm.
D. Thủy chế theo mùa. C. Có trữ lượng phù sa lớn.

Câu 7: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, ít phù sa, chế độ nước thất thường.
B. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước theo mùa.
C. Sông ngòi dày đặc, có nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước ổn định.
D. Sông ngòi dày đặc, chủ yếu hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.

Câu 8: Địa hình Caxtơ (hang động, suối cạn, thung khô) được hình thành chủ yếu trên loại đá nào sau đây?

- A. Granit. B. Vôi. C. Badan. D. Sét.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?

- A. Nhiều sông. B. Phần lớn là sông nhỏ. C. Giàu phù sa. D. Ít phụ lưu.

Câu 10: Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu

- A. cận nhiệt lục địa. B. nhiệt đới ẩm. C. ôn đới hải dương. D. cận cực lục địa.

Câu 11: Mùa mưa vào thu - đông là đặc điểm của khu vực nào sau đây của nước ta ?

- A. Đông Bắc. B. Đồng bằng Bắc Bộ. C. Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 12: Mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là

- A. đến muộn và kết thúc muộn. B. đến muộn và kết thúc sớm.
C. đến sớm và kết thúc muộn. D. đến sớm và kết thúc sớm.

Câu 13: Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi đối với sông ngòi nước ta là

- A. tạo dòng chảy mạnh. B. có nhiều phụ lưu lớn.
C. tổng lượng cát bùn lớn. D. tốc độ bào mòn rất nhỏ.

Câu 14: Hậu quả của quá trình xâm thực mạnh gây ra ở miền núi là

- A. tạo thành nhiều phụ lưu. B. tạo nên các cao nguyên lớn.
C. địa hình cắt xẻ, rửa trôi. D. tạo thành dạng địa hình mới.

Câu 15: Sông nào sau đây của nước ta có hàm lượng phù sa nhiều nhất?

- A. sông Mê Công. B. Sông Đồng Nai. C. Sông Thái Bình. D. Sông Hồng.

Câu 16: Lượng cát bùn lớn trong các dòng sông gây nên trở ngại chủ yếu là

- A. Làm ô nhiễm nguồn nước ngọt.
B. Hạn chế nguồn cung cấp nước.
C. Bồi lắng xuống dòng sông làm cạn các luồng lạch giao thông.
D. Bồi lắng nhiều vật liệu cho đồng bằng ở hạ lưu sông vào mùa lũ.

Câu 17: Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nóng, ẩm quanh năm. B. Tính chất cận xích đạo.

C. Tính chất ôn hòa.

D. Khô hạn quanh năm.

Câu 18: Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

A. cây lá kim và thú có lông dày.

B. cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.

C. động thực vật cận nhiệt đới.

D. động thực vật nhiệt đới.

Câu 19: Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần

A. khí hậu, đất đai, sinh vật.

B. sông ngòi, đất đai, khí hậu.

C. sinh vật, đất đai, sông ngòi.

D. khí hậu, sinh vật, sông ngòi.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C.

C. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.

D. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.

Câu 21: Đặc điểm nổi bật của thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta là

A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.

C. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 22: Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là

A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

B. địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.

C. địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 23: Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là

A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.

C. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 24: Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

A. xích đạo và nhiệt đới.

B. nhiệt đới và cận nhiệt đới.

C. cận nhiệt đới và xích đạo.

D. cận xích đạo và ôn đới.

Câu 25: Cảnh quan rừng thưa nhiệt đới khô được hình thành nhiều nhất ở vùng nào?

A. Ven biển Bắc Trung Bộ.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Nam Bộ.

Câu 26: Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là

A. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

B. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.

C. Cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm.

D. Nhiệt đới khô gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 27: Vùng thường xảy ra lũ quét là

A. Vùng núi phía Bắc.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Tây Nguyên.

Câu 28: Cảnh quan trong đai nhiệt đới gió mùa gồm

A. rừng cận xích đạo và nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. rừng rậm xích đạo và rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

C. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng nhiệt đới gió mùa.

D. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và cận nhiệt đới lá rộng.

Câu 29: Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu

A. ôn đới gió mùa.

B. cận nhiệt đới gió mùa.

C. cận xích đạo gió mùa.

D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 30: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì

A. đồi núi thấp chiếm chủ yếu diện tích lãnh thổ.

B. Nước ta nằm trong khu vực gió mùa.

C. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

D. Nước ta nằm tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 31: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo ra sự phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ ở nước ta?

A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Đất đai. D. Sinh vật

Câu 32: Vùng nào sau đây có đầy đủ 3 đai cao?

A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 33: Điểm giống nhau về tự nhiên của vùng ven biển phía đông Trường Sơn Nam và vùng Tây Nguyên là

A. Mùa mưa vào thu - đông. B. Mùa mưa vào hè - thu.
C. Có một mùa khô sâu sắc. D. Có gió Tây khô nóng.

Câu 34: Đặc điểm khác biệt nhất của Đồng bằng Sông Cửu Long so với Đồng bằng Sông Hồng là

A. có đất nhiễm phèn. B. có nhiều đất phù sa sông.
C. có đất nhiễm mặn. D. khí hậu nóng quanh năm.

Câu 35: Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có đặc điểm là

A. có các bãi triều thấp phẳng. B. thêm lục địa hẹp, vùng biển sâu.
C. các cồn cát, đầm phá không phổ biến. D. phong cảnh thiên nhiên trù phú, xanh tươi.

Câu 36: Khí hậu của miền Bắc nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.
C. Có một mùa đông lạnh ít mưa. D. Có mùa mưa và mùa khô sâu sắc.

Câu 37: Rừng cây họ Dầu ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ phát triển mạnh mẽ chủ yếu là do

A. đất phèn, mặn chiếm diện tích lớn. B. khí hậu cận xích đạo, mùa khô rõ rệt.
C. mưa nhiều, nhiệt độ quanh năm cao. D. nền nhiệt cao, biên độ nhiệt năm nhỏ.

Câu 38: Mùa khô ở các tỉnh ven biển cực Nam Trung Bộ kéo dài nhất cả nước chủ yếu là do

A. hoạt động của gió phơn khô nóng. B. ảnh hưởng của Tín phong đông bắc.
C. địa hình bờ biển không đón gió mùa. D. địa hình núi dốc đứng về phía biển.

Câu 39: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tài nguyên rừng của nước ta ?

A. Tổng diện tích rừng đang tăng lên. B. Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
C. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn. D. Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

Câu 40: Theo mục đích sử dụng, rừng được chia thành

A. rừng phòng hộ, rừng rậm, rừng thưa. B. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng rậm.
C. rừng sản xuất, rừng tre nứa, rừng cây gỗ. D. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Câu 41: Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là

A. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. B. khai hoang mở rộng diện tích.
C. cải tạo đất bạc màu, đất mặn. D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 42: Để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi, về mặt kĩ thuật canh tác cần thực hiện biện pháp

A. trồng cây theo băng, làm ruộng bậc thang. B. bảo vệ rừng và đất rừng.
C. ngăn chặn nạn du canh, du cư. D. cải tạo đất hoang, đồi núi trọc.

Câu 43: Biện pháp nào sau đây là hiệu quả nhất để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng núi nước ta?

A. Trồng cây gây rừng và làm ruộng bậc thang.
B. Trồng cây theo băng và làm ruộng bậc thang.
C. Đào hồ vẫy cá, phủ xanh đất trống đồi núi trọc.
D. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác.

Câu 44: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

A. canh tác hợp lí, chống ô nhiễm đất đai. B. áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.
C. tổ chức định canh, định cư cho người dân. D. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.

Câu 45: Biện pháp nhằm bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ở nước ta là

A. bảo vệ rừng, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
B. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học các vườn quốc gia.
C. đảm bảo quy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
D. áp dụng các biện pháp canh tác hợp lí trên đất dốc.

Câu 46: Nhận định nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

A. Chất lượng rừng đã được phục hồi hoàn toàn. B. Rừng nghèo và mới phục hồi chiếm tỉ lệ lớn.
C. Diện tích rừng giảm nhanh, liên tục. D. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.

Câu 47: Nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng đặc dụng là

- A. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
- B. trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc ở các vùng trung du và miền núi.
- C. đảm bảo duy trì phát triển diện tích rừng và chất lượng.
- D. duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng.

Câu 48: Tính đa dạng sinh học cao thể hiện ở

- A. sự phân bố sinh vật.
- B. sự phát triển của sinh vật.
- C. diện tích rừng lớn.
- D. nguồn gen quý hiếm.

Câu 49: Tính đa dạng sinh học cao của nước ta thể hiện ở

- A. sự phân bố sinh vật.
- B. sự phát triển của sinh vật.
- C. diện tích rừng lớn.
- D. các kiểu hệ sinh thái.

Câu 50: Biểu hiện của tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường ở nước ta là

- A. đất đai bị bạc màu.
- B. nguồn nước bị ô nhiễm trầm trọng.
- C. khoáng sản cạn kiệt.
- D. thiên tai bão lụt, hạn hán gia tăng.

Câu 51: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn ở khu vực Nam Bộ giảm nhanh trong những năm gần đây là

- A. phá rừng để lấy gỗ.
- B. phá rừng để nuôi tôm.
- C. thiên tai hạn hán.
- D. cháy rừng.

Câu 52: Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. phát triển nông nghiệp.
- B. biến đổi khí hậu.
- C. chiến tranh tàn phá.
- D. săn bắt động vật.

Câu 53: Biện pháp có ý nghĩa hàng đầu để bảo vệ đa dạng sinh học của nước ta là

- A. xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia.
- B. duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng.
- C. thực hiện các dự án trồng rừng theo kế hoạch.
- D. giao đất, giao rừng, ngăn chặn du canh du cư.

Câu 54: Vấn đề lớn nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay là

- A. nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt và ô nhiễm môi trường nước ở khắp nơi.
- B. ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và cạn kiệt nguồn nước ngầm.
- C. ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước.
- D. ô nhiễm môi trường nước và nguồn nước có sự phân hóa theo các vùng miền.

Câu 55: Loại hình nào sau đây **không** khuyến khích phát triển mạnh ở khu bảo tồn thiên nhiên?

- A. Du lịch sinh thái.
- B. Phục vụ nghiên cứu khoa học.
- C. Quản lý môi trường và giáo dục.
- D. Bảo vệ và duy trì các loài động thực vật.

Câu 56: Nguyên nhân chính làm cho tài nguyên đất của nước ta bị thoái hoá là

- A. Sức ép của dân số và sử dụng không hợp lý kéo dài.
- B. Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Có sự khác biệt lớn giữa các vùng về vốn đất.
- D. Địa hình đồi núi chiếm hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.

Câu 57: Biểu hiện của sự suy thoái tài nguyên đất ở khu vực đồi núi là

- A. nhiễm mặn.
- B. nhiễm phèn.
- C. gây hóa.
- D. xói mòn.

Câu 58: Biện pháp chủ yếu trong sử dụng đất nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. đắp đê ngăn lũ, ngập lụt.
- B. chống cát bay, cát chảy.
- C. chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý.
- D. khai thác mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Câu 59: Rừng ở đồng bằng sông Cửu Long có vai trò chủ yếu nào sau đây?

- A. Giúp nhanh thoát lũ vào mùa mưa.
- B. Giữ đất chống sạt lở bờ biển.
- C. Cung cấp nhiều loại gỗ quý.
- D. Đảm bảo cân bằng sinh thái.

Câu 60: Nguồn hải sản ven bờ của nước ta bị giảm sút rõ rệt chủ yếu do

- A. đẩy mạnh các hoạt động đánh bắt xa bờ.
- B. diện tích rừng ngập mặn bị thu hẹp.
- C. biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn.
- D. khai thác quá mức và ô nhiễm môi trường.

Câu 61: Biện pháp nào sau đây được sử dụng để bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta?

- A. Cải tạo đất hoang, đất đồi núi trọc.
- B. Ban hành sách Đỏ Việt Nam.
- C. Cấm khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- D. Cấm tuyệt đối khai thác rừng.

Câu 62: Nguyên nhân nào sau đây làm cho lũ ở đồng bằng duyên hải miền Trung lên nhanh?

- A. Sông ngắn, dốc nên tập trung nước rất nhanh.
B. Nước do mưa lớn trên nguồn dồn nhanh và nhiều.
C. Mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.
D. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông.

Câu 63: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

- A. cháy rừng. B. trồng rừng chưa hiệu quả.
C. khai thác quá mức. D. chiến tranh.

Câu 64: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Làm ruộng bậc thang. B. Chồng nhiễm mặn. C. Trồng cây theo băng. D. Đào hố kiểu vẩy cá.

Câu 65: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở đồng bằng là

- A. làm ruộng bậc thang. B. đào hố vẩy cá.
C. bón phân thích hợp. D. trồng cây theo băng.

Câu 66: Mùa bão ở nước ta có đặc điểm là

- A. miền Bắc muộn hơn miền Nam. B. miền Trung sớm hơn ở miền Bắc.
C. chậm dần từ Bắc vào Nam. D. chậm dần từ Nam ra Bắc.

Câu 67: Vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão là

- A. ven biển đồng bằng sông Hồng. B. ven biển Trung Bộ.
C. ven biển Nam Trung Bộ. D. ven biển Nam Bộ.

Câu 68: Vùng nào sau đây chịu ngập úng nghiêm trọng nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 69: Ngập úng ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ lúa nào sau đây?

- A. Đông xuân. B. Mùa. C. Hè thu. D. Chiêm xuân.

Câu 70: Vùng thường xảy ra lũ quét nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 71: Mùa khô thường kéo dài 6 - 7 tháng ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng Nam Bộ. B. Tây Nguyên. C. Cực Nam Trung Bộ D. Bắc Trung Bộ.

Câu 72: Thời gian khô hạn kéo dài nhất ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Ninh Thuận và Bình Thuận. B. Sơn La và Nghệ An.
C. Quảng Bình và Quảng Trị. D. Sơn La và Lai Châu.

Câu 73: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung bộ có tác dụng chính là

- A. điều hòa nguồn nước. B. hạn chế tác hại của lũ.
C. chống xói mòn, rửa trôi. D. hạn chế sự di chuyển của cồn cát.

Câu 74: Biện pháp phòng tránh bão có hiệu quả nhất ở nước ta hiện nay là

- A. củng cố đê chắn sóng ven biển. B. nhanh chóng khắc phục hậu quả của bão.
C. huy động sức người, sức của để chống bão. D. dự báo chính xác cấp độ và hướng di chuyển.

Câu 75: Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do

- A. mưa lớn và lũ nguồn về. B. mật độ dân cư và xây dựng cao.
C. mưa lớn kết hợp với triều cường. D. mặt đất thấp, xung quanh có đê.

Câu 76: Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở Trung Bộ nước ta là

- A. mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.
B. sông ngắn dốc, tập trung nước nhanh.
C. mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
D. có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước ra biển.

Câu 77: Mùa bão ở nước ta chậm dần từ Bắc vào Nam là do

- A. nhiệt độ tăng dần từ Bắc vào Nam. B. sự di chuyển của dải hội tụ nhiệt đới.
C. sự di chuyển tâm bão từ Bắc vào Nam. D. hoạt động của dòng biển theo mùa.

Câu 78: Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để phòng chống khô hạn lâu dài ở nước ta?

- A. Phòng chống cháy rừng. B. Thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc.
C. Bố trí nhiều trạm bơm nước. D. Xây dựng các công trình thủy lợi hợp lý

Câu 79: Nội dung chủ yếu của Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là

- A. đảm bảo sự bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
B. chú trọng việc bảo vệ môi trường chống ô nhiễm.
C. bảo vệ tài nguyên khỏi cạn kiệt và môi trường không ô nhiễm.
D. đảm bảo sự bảo vệ đi đôi với sự phát triển bền vững.

Câu 80: Biện pháp quan trọng nhất để giảm lũ ở vùng hạ lưu là

- A. trồng rừng đầu nguồn. B. trồng rừng ngập mặn.
C. xây dựng các đập thủy điện. D. trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 81: Thiên tai nào sau đây xảy ra bất thường và gây hậu quả rất nghiêm trọng ở miền núi nước ta?

- A. Lũ quét. B. Bão. C. Hạn hán. D. Ngập lụt.

Câu 82: Thiên tai nào ở nước ta mà việc phòng chống phải luôn kết hợp chống lụt, úng ở đồng bằng và chống lũ, chống xói mòn ở miền núi?

- A. Bão. B. Hạn hán. C. Sương muối. D. Lốc.

Câu 83: Biện pháp quan trọng nhất để phòng chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ là

- A. bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ. B. xây hồ chứa nước chống khô hạn.
C. xây đê, kè chắn sóng, bão. D. di dân đến các vùng khác.

Câu 84: Hai vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta là tình trạng

- A. suy giảm đa dạng sinh học và suy giảm tài nguyên nước.
B. suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm đa dạng sinh học.
C. mất cân bằng sinh thái môi trường và ô nhiễm môi trường.
D. suy giảm tài nguyên đất và suy giảm tài nguyên rừng.

Câu 85: Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 86: Dân số Việt Nam đứng thứ ba Đông Nam Á sau các quốc gia nào sau đây?

- A. Indônêxia và Philippin. B. Indônêxia và Malaixia.
C. Indônêxia và Thái Lan. D. Indônêxia và Mianma.

Câu 87: Vùng nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 88: Mức gia tăng dân số của nước ta có xu hướng giảm chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tuyên truyền, giáo dục dân số.
B. Dân số có xu hướng già hóa.
C. Kết quả của chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
D. Ảnh hưởng của việc nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 89: Trung du và miền núi nước ta có mật độ dân số thấp hơn vùng đồng bằng là do

- A. có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm hơn đồng bằng.
B. cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngành còn lạc hậu.
C. quỹ đất chủ yếu dành cho phát triển công nghiệp.
D. có điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội khó khăn.

Câu 90: Phát biểu nào sau đây đúng về mật độ dân số nước ta?

- A. Ngày càng giảm. B. Ngày càng tăng. C. Ít biến động. D. Mật độ thấp.

Câu 91: Việc phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc ít người ở nước ta cần được chú trọng hơn nữa do

- A. các dân tộc ít người có vai trò lớn nhất trong phát triển kinh tế - xã hội.
B. các dân tộc ít người có kinh nghiệm sản xuất phong phú.
C. sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc hiện có sự chênh lệch.
D. Nhà nước chưa chú trọng vấn đề phát triển kinh tế ở đây.

Câu 92: Tốc độ tăng dân số nước ta đã giảm nhưng số người tăng thêm mỗi năm vẫn nhiều chủ yếu do

- A. chính sách chuyển cư.
- B. có quy mô dân số lớn.
- C. tác động của các quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.
- D. có mức sinh cao và giảm chậm, mức tử thấp và ổn định.

Câu 93: Dân số nước ta phân bố không đều đã ảnh hưởng đến vấn đề chủ yếu nào sau đây?

- A. Việc phát triển giáo dục, y tế.
- B. Khai thác tài nguyên và sử dụng nguồn lao động.
- C. Vấn đề giải quyết việc làm.
- D. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Câu 94: Nhận định nào sau đây **không** hoàn toàn đúng với đặc điểm dân số Việt Nam hiện nay?

- A. Số dân vẫn tăng nhanh.
- B. Cơ cấu dân số trẻ.
- C. Quy mô dân số lớn.
- D. Nhiều thành phần dân tộc.

Câu 95: Nhân tố nào sau đây quyết định tới sự phân bố dân cư nước ta?

- A. Điều kiện tự nhiên.
- B. Tình trạng chuyển cư.
- C. Lịch sử khai thác lãnh thổ.
- D. Trình độ phát triển kinh tế.

Câu 96: Tỷ trọng nhóm tuổi từ 60 trở lên ở nước ta có xu hướng tăng là do

- A. tuổi thọ trung bình thấp.
- B. hệ quả của tăng dân số.
- C. tỉ lệ gia tăng dân số giảm.
- D. mức sống được nâng cao.

Câu 97: Nhân tố chính tạo nên sự khác biệt về mật độ dân số giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Điều kiện tự nhiên.
- B. Trình độ phát triển kinh tế.
- C. Tính chất của nền kinh tế.
- D. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

Câu 98: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều dân tộc ít người.
- B. Gia tăng tự nhiên rất cao.
- C. Dân tộc Kinh là đông nhất.
- D. Có quy mô dân số lớn.

Câu 99: Dân cư nông thôn của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm tỉ lệ cao và ngày càng tăng.
- B. Chiếm tỉ lệ thấp và ngày càng tăng.
- C. Chiếm tỉ lệ cao và ngày càng giảm.
- D. Chiếm tỉ lệ thấp và ngày càng giảm.

Câu 100: Dân số nước ta tăng nhanh gây hệ quả nào sau đây?

- A. Đẩy nhanh quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.
- B. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.
- C. Nguồn lao động đông, tăng nhanh.
- D. Gây sức ép đến kinh tế, xã hội và môi trường.

KỸ NĂNG :

- Nhận diện biểu đồ từ yêu cầu của bảng số liệu.
- Cho biểu đồ → tìm nội dung đúng.
- Nhận xét bảng số liệu.
- Nhận xét bảng số liệu có xử lí số liệu (mật độ dân số, tỉ trọng).
- Đọc Atlas.

ĐỀ THI CÓ CÂU HỎI THÔNG HIỂU, VẬN DỤNG NẪM TRONG CÁC BÀI ĐÃ HỌC. HỌC SINH CHUẨN BỊ ATLAT ĐỂ LÀM BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ!